

Số: 1098/STC-QLNS

Đắk Nông, ngày 28 tháng 5 năm 2020

V/v báo cáo số liệu xây dựng
Đề án Kế hoạch vay, trả nợ
công 05 năm từ 2021 - 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Công văn số 2411/UBND-KTTH, ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc khẩn trương tham mưu báo cáo Bộ Tài chính.

Trên cơ sở báo cáo của Sở Kế hoạch & Đầu tư gửi ngày 26/5/2020 và Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT gửi ngày 25/05/2020 và các cơ quan, đơn vị đã gửi trước đó. Tuy nhiên, đa số chất lượng các báo cáo không đảm bảo chất lượng và thời gian (Cụ thể: số liệu các biểu không khớp đúng với nhau, chưa tính toán số phải trả nợ gốc, lãi, phí theo quy định, nhiều chỉ tiêu công thức nhầm lẫn,...).

Để đảm bảo thời gian báo cáo theo yêu cầu Bộ Tài chính, Sở Tài chính đã rà soát, tổng hợp báo cáo như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của Dự án/Chương trình có sử dụng vốn vay giai đoạn 2016-2020: Theo báo cáo các chủ Dự án/Chương trình và cơ quan quản lý đánh giá việc phân bổ kế hoạch vốn vay lại và giải ngân, thanh quyết toán cho các dự án cơ bản đảm bảo đúng quy định. Chỉ phân bổ cho các dự án thuộc đối tượng được sử dụng vốn vay lại và đảm bảo tỷ lệ vay theo Hiệp định, hợp đồng đã ký kết của các dự án. Các đơn vị được giao vốn vay thường xuyên nghiên cứu các quy định để áp dụng vào trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, tránh xảy ra sai sót.

Tuy nhiên, hiện nay việc giải ngân nguồn vốn vay vẫn còn đạt tỷ lệ rất thấp do các quy trình thủ tục, hồ sơ phức tạp. Các dự án thường có nhiều nguồn vốn (ODA, bổ sung có mục tiêu, đối ứng, vay lại,...) nên nhiều hình thức giải ngân và việc giải ngân phải đảm bảo đồng bộ tỷ giải ngân các nguồn theo quy định, trong khi việc nghiệm thu, thanh toán theo kết quả đầu ra thường khá lâu. Ngoài ra, thực tế hàng năm thường phải điều chỉnh kế hoạch vốn nhưng qua nhiều quy trình.

2. Báo cáo tình hình rút vốn vay của các dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm giai đoạn 2021-2025: Chi tiết tại biểu 1.03 kèm theo.

3. Đề xuất hạn mức cho vay lại 05 năm giai đoạn 2021-2025: Chi tiết tại biểu 1.04 đính kèm theo.

4. Dự báo những rủi ro tác động đến các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương giai đoạn 2021-2025: Đối với các địa phương chưa tự cân đối được thu chi thì khi tình hình thu ngân sách nhiều biến động sẽ khiến một số dự án, chương trình bị tác động đến tiến độ giải ngân ở các năm sau.

5. Cập nhật lại số liệu Báo cáo nợ vay năm 2019 (sau thời điểm 31/3/2020 khi các Dự án, Chương trình đã hoàn thiện thủ tục tại Kho bạc nhà nước): Chi tiết tại biểu 1.05 đính kèm theo.

Với các nội dung như trên, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có văn bản báo cáo theo quy định (Dự thảo báo cáo được đính kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KHĐT, YT, NN&PTNT;
- Ban QLDA NN&PTNT;
- UBND TP Gia Nghĩa;
- Ban Giám đốc;
- Phòng TCĐT (thực hiện);
- Văn phòng Sở (đăng website);
- Lưu: VT, QLNS(Vh-02).

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH RÚT VỐN VAY CỦA CÁC DỰ ÁN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Công văn số 1098 /STC-QLNS ngày 28/5/2020 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020				Ước thực hiện giai đoạn 2016-2020				Dự kiến năm 2021				Dự kiến năm 2022				Dự kiến năm 2023				Dự kiến năm 2024				Dự kiến năm 2025			
			Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại	Cấp phát			Vay lại
			Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN		Tổng	XDCB	HCSN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
I	Các dự án đang giải ngân		933.350	758.723	105.116	69.510	955.158	840.706	49.099	65.353	263.852	220.298	3.789	39.765	176.904	131.674	-	45.230	115.424	60.194	-	55.230	22.435	-	-	22.435	-	-	-	
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông - tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	ABD	92.745	70.663		22.082	93.212	71.129		22.082	175.246	150.016		25.230	156.904	131.674		25.230	85.424	60.194		25.230	-		-	-	-	-		
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông	WB	196.362	169.622	9.778	16.962	133.944	115.150	5.989	12.805	62.418	54.472	3.789	4.157	-			-	-	-		-		-	-	-	-	-		
3	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	48.666	19.000		29.666	197.773	168.107		29.666	9.188	7.810		1.378				-				-		-		-		-		
4	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vốn vay ADB (ADB8), tỉnh Đắk Nông	ADB	4.000	3.200		800	4.000	3.200		800	17.000	8.000	-	9.000	20.000	-		20.000	30.000	-		30.000	22.435	-		22.435	-	-		
5	Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Đắk Nông	WB	388.698	388.698			381.291	381.291			-				-				-				-		-		-			
6	Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn II	ABD	180.495	103.620	76.875		129.920	97.921	31.999		-				-				-				-		-		-			
7	Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông	WB	5.306	3.920	1.386		5.181	3.907	1.273		-				-				-				-		-		-			
8	Dự án: Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế (HPE1)	WB	15.539		15.539		8.300		8.300		-				-				-				-		-		-			
9	Dự án nâng cao năng lực Phòng, chống HIV/AIDS khu vực tiểu vùng Sóng Mê Kông mở rộng tỉnh Đắk Nông	ABD	1.538		1.538		1.538		1.538		-				-				-				-		-		-			
II	Các dự án dự kiến giải ngân trong thời gian tới		-	-	-	-	10.408	6.245	-	4.163	172.413	99.776	-	72.637	297.075	174.573	-	122.502	286.668	168.329	-	118.339	265.853	155.840	-	110.013	348.885	205.659	-	143.226
1	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Tiểu dự án: Tỉnh Đắk Nông)	AFD	-				10.408	6.245		4.163	52.038	31.223		20.815	62.445	37.467		24.978	52.038	31.223		20.815	31.223	18.734		12.489	-			
2	Dự án cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 – Hợp phần tỉnh Đắk Nông	ADB	-				-				114.255	68.553		45.702	228.510	137.106		91.404	228.510	137.106		91.404	228.510	137.106		91.404	342.765	205.659	137.106	
3	Dự án nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Chính phủ Áo	-				-				6.120			6.120	6.120			6.120	6.120			6.120	6.120			6.120	6.120		6.120	
	Tổng cộng		933.350	758.723	105.116	69.510	965.566	846.951	49.099	69.516	436.265	320.074	3.789	112.402	473.979	306.247	-	167.732	402.092	228.523	-	173.569	288.288	155.840	-	132.448	348.885	205.659	-	143.226

Ghi chú:

Số liệu dự kiến rút vốn các năm quy đổi sang VND áp dụng tỷ giá hạch toán tháng 6 năm 2020 do Bộ Tài chính công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ CỦA CÁC DỰ ÁN VAY LẠI TỪ NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM 2021-2025
(Kèm theo Công văn số 1098/STC-QLNS ngày 28/5/2020 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020											Thực hiện giai đoạn 2016-2020											2021											2022											2023											2024											Dự kiến: Tiếp đến										
			Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ					Trả nợ																															
			Đư nợ đầu kỳ năm 2016	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ năm 2020	Đư nợ đầu kỳ năm 2016	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ năm 2020	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ	Đư nợ đầu kỳ	Rút vốn	Gốc	Lãi + phí	Tổng cộng	Đư nợ cuối kỳ																																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42																																			
I	Các dự án đang thực hiện (chưa gồm cả các dự án đã)		69.510	16.962	1.024	17.966	69.510	-	65.353	-	938	938	65.353	39.760	1.584	1.251	2.836	105.118	104.094	45.230	6.479	1.034	9.471	149.524	148.333	35.230	6.466	4.190	10.600	197.157	197.157	22.435	10.466	4.475	14.962	209.105	209.105	-	-	-	-	10.456	2.587	11.043	196.007																																		
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông - sửa dự án tỉnh Đắk Nông	ADB	-	22.082	-	-	-	22.082	-	22.082	-	-	22.082	22.082	25.230	-	-	47.312	47.312	25.230	4.889	1.353	6.212	72.542	72.542	25.230	4.889	1.858	6.746	92.884	92.884	-	-	4.889	1.761	6.649	87.995	87.995	-	-	4.889	1.662	6.551	83.106																																			
2	Chương trình mở rộng quy mô về sinh nghiệp xuất khẩu thông qua tiếp xúc qua video ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông	WB	-	16.962	16.962	424	17.386	16.962	12.805	12.805	320	320	12.805	12.805	4.157	560	410	970	16.962	16.962	560	410	970	16.962	16.962	560	410	970	16.402	16.402	-	-	560	396	956	15.843	15.843	-	-	560	382	941	15.283																																				
3	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB)	WB	-	29.666	-	600	600	29.666	-	29.666	-	600	600	29.666	29.666	1.378	1.024	621	1.645	31.044	30.020	-	991	600	1.591	30.020	29.029	-	958	581	1.539	28.071	28.071	-	926	561	1.488	27.145	27.145	-	-	896	543	1.439	26.249																																		
4	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vốn vay ADB (ADB), tỉnh Đắk Nông	ADB	-	800	-	-	-	800	-	800	18	18	800	800	9.000	-	221	221	9.800	9.800	20.000	-	671	671	29.800	29.800	30.000	-	1.346	1.346	59.800	59.800	22.435	4.112	1.758	5.870	78.123	78.123	-	-	4.112	-	4.112	74.012																																			
II	Các dự án dự kiến giải ngân trong thời gian tới:		-	-	-	-	-	4.163	-	10	10	4.163	4.163	72.637	-	52	52	76.800	76.800	122.902	-	62	62	199.302	199.302	118.339	-	52	52	317.641	317.641	110.033	12.449	31	12.520	415.165	415.165	143.226	-	-	-	588.391																																					
1	Chương trình, gói tín dụng hỗ trợ thích ứng biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Dự án vay ADB (ADB), tỉnh Đắk Nông)	AFD	-	-	-	-	-	4.163	-	10	10	4.163	4.163	20.815	-	52	52	24.978	24.978	24.978	-	62	62	49.956	49.956	20.815	-	52	52	70.771	70.771	12.489	12.489	31	12.520	70.771	70.771	-	-	-	-	70.771																																					
2	Dự án cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - Hợp phần tỉnh Đắk Nông	ADB	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45.702	-	-	-	45.702	45.702	91.404	-	-	-	137.106	137.106	91.404	-	-	-	228.510	228.510	91.404	-	-	319.914	319.914	-	-	-	-	137.106	-	457.020																																				
3	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.120	-	-	-	6.120	6.120	6.120	-	-	-	12.240	12.240	6.120	-	-	-	18.360	18.360	6.120	-	-	24.480	24.480	-	-	-	-	6.120	-	30.600																																				
TỔNG CỘNG:			69.510	16.962	1.024	17.966	69.510	-	69.516	-	949	949	69.516	69.516	112.402	1.284	1.303	2.880	181.918	180.894	167.712	6.479	1.006	9.533	148.626	147.635	34.806	4.246	10.652	194.798	194.798	22.448	10.456	4.506	14.962	209.270	209.270	-	-	10.456	2.587	11.043	196.007																																				

BÁO CÁO THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ ĐỊNH KỲ

Kỳ báo cáo: Năm 2019

(Kèm theo Công văn số 1098/STC-QLNS ngày 28/5/2020 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu kỳ	Kế hoạch vay	Vay trong kỳ	Trả nợ trong kỳ						Dự nợ cuối kỳ
					Gốc	Lãi	Phí	Lãi phạt	Khác (nếu có)	Tổng	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương										
II	Tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước										
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	72.250	-	-	48.723	-	-	-	-	48.723	23.527
1	Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam	72.250			48.723					48.723	23.527
2	Vay Ngân hàng thương mại...										
IV	Vay lại nguồn vốn vay nước ngoài	14.935	93.000	16.238	-	-	-	-	-	-	31.173
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Đắk Nông	10.650		13.901	-	-	-	-	-	-	24.551
	<i>Số thực tế giải ngân (GTGC tại KBNN tỉnh)</i>	<i>10.650</i>		<i>13.901</i>							<i>24.551</i>
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB)	4.286		2.337	-	-	-	-	-	-	6.623
	<i>Số thực tế giải ngân (GTGC tại KBNN tỉnh)</i>	<i>4.286</i>		<i>2.337</i>							<i>6.623</i>
V	Vay khác										
	Tổng cộng	87.185	93.000	16.238	48.723	-	-	-	-	48.723	54.700

Ghi chú:

- Số liệu vay lại nguồn vốn vay nước ngoài năm 2019 theo quy định đã cập nhật số liệu thực hiện ghi thu ghi chi đến 31/03/2020./.